

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

**“V/v Xin ly hôn, nuôi con
sau ly hôn”**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tám;
- Bà Phạm Thị Phụng;

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Đinh Thị N, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Đặng Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Z, xã V, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Nhỏ có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:*

Chị và anh Đặng Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2005 ngày 21/3/2005. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi nhau, do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con chị cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung cũng như kinh tế gia đình nhưng

không thể hàn gắn được, chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không thể hàn gắn được chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Đặng Thúy V, sinh ngày 11/02/2004 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh Đặng Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi nhau, chị cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung cũng như kinh tế gia đình nhưng không thể hàn gắn được. Tại Tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt. Xét thấy tình cảm của anh chị không còn nên yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T là có cơ sở.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Đặng Thúy V, sinh ngày 11/02/2004 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và nuôi con sau ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị N và anh Đặng Văn T tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09/2005 ngày 21/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đặng Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T lý do chị cho rằng vợ chồng không hợp nhau, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, chị thấy không còn hạnh phúc với anh T, chị đã ly thân với anh T từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N không thể hàn gắn được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Đặng Thúy V, sinh ngày 11/02/2004 hiện đang sống với chị N, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị N có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị N.

- **Về tình cảm:** Cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- **Về con chung:** Giao cho chị Đinh Thị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thúy V, sinh ngày 11/02/2004 hiện đang sống với chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Chị Đinh Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0000879 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy. Như vậy, chị Nhỏ đã nộp xong.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T được quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp